



Tâm Tinh Bồ Đề, báu Thắng Nguyên

Nay con phát khởi cứu quần sinh

Góp gom Sinh khổ, ràng thân thể

Cùng với Vô Tri hại đến thân

Cứu nhiếp quy y khiến giải thoát

Thường làm lợi ích các Hàm Thức

Phát Bồ Đề Tâm Phương Tiện Chân Ngôn là: (Định Ân)

“Án (1) mạo địa tức đa (2) mẫu đất bả na dạ nhĩ (3)”

ॐ षडक्षरं नृसुखं यथा

*)OM _BODHI-CITTAM UTPĀDA YĀMI



Trong vô lượng Thế Giới mười phương

Các Chính Biến Tri, Chúng Đại Hải

Mỗi mỗi lực phương tiện khéo léo

Với các Phật Tử vì Quần Sinh

Bao nhiêu phước nghiệp đã tu tập

Nay con tùy hỷ hết tất cả

Tùy Hỷ Phương Tiện Chân Ngôn là (Quy Mệnh Hợp Chương)

‘Án (1) tát phộc đất tha nghiệt đa (2) bản nhược nhạ năng (3) nỗ mộ nại na
bồ đồ mê già tam mộ nại-la (4) tát-phả la ninh tam ma duệ (5) hồng’

ॐ स त नृसुखं यथा ॐ षडक्षरं नृसुखं यथा ॐ षडक्षरं नृसुखं यथा ॐ षडक्षरं नृसुखं यथा ॐ षडक्षरं नृसुखं यथा

*)OM SARVA TATHĀGATA PUṆYA JÑĀNA ANUMUDANA _ PŪJA
MEGHA SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM



Nay con khuyến thỉnh các Như Lai

Tâm Đại Bồ Đề, Đấng Cứu Thế

Nguyện xin khắp cả Giới mười phương

Thường kéo mây lớn tuôn mưa Pháp

Khuyến Thỉnh Phương Tiện Chân Ngôn là (Kim Cương Hợp Chương)

“Án (1) tát phộc đất tha nghiệt đa (2) thê sái ninh bồ nhạ mê già tam mộ
nại-la (3) tát-phả la ninh tam ma duệ (4) hồng”

ॐ सर्व तथगत तद्धयम सुख मय ससुख सु । म समय हूं
 *)OM_ SARVA TATHĀGATA ADDHEṢAṆA PŪJA MEGHA
 SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM



*-Nguyện nơi cư trú của Phạm Phú
 Mau buông mọi khổ bám trên thân
 Sẽ được đến nơi không nhớ bản (Vô Cấu Xứ)
 An trụ Pháp Thân Giới thanh tịnh*

Phụng Thỉnh Pháp Thân Phương Tiện Chân Ngôn là (Kim Cương Hợp Chương, Nội Phộc, để ngón trỏ của Tuệ (tay trái) như móc câu rồi chiêu vời)

“**Án (1) tát phộc đát tha nghiệt đa (2) nại thê sái dạ nhĩ (3) tát phộc tát đát-phộc hệ đa lật-tha dã (4) đạt ma đà đồ tát thể để lật-phộc mặt đồ (5)**

ॐ सर्व तथगत तद्धयम सुख मय ससुख सु । म समय हूं

*)OM_ SARVA TATHĀGATA ADDHEṢA YĀMI_ SARVA SATVA
 HĪTA ARTHĀYA_ DHARMA-DHĀTU STHITIRBHAVATU



*Bao nhiêu Thiện Nghiệp tu hành được
Vì muốn lợi ích mọi chúng sinh
 Nay con chân chính hồi hướng hết
 Trừ sinh tử khổ đến Bồ Đề*

Hồi Hướng Phương Tiện Chân Ngôn là (Kim Cương Hợp Chương)

“**Án (1) tát phộc đát tha nghiệt-đa (2) niết-ly dã năng-la bố nhạ mê già tam mộ nại-la (3) tát-phả la ninh tam ma duệ (4) hồng”**

ॐ सर्व तथगत तद्धयम सुख मय ससुख सु । म समय हूं

*)OM_ SARVA TATHĀGATA NIRYĀTANA _PŪJA MEGHA
 SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM



Thân tùy chỗ ứng dùng an tọa
 Để quán (chân thật quán) rõ ràng **Sơ Tự Môn** (Môn chữ A)

Tiếp nên kết **Ấn Tam Muội Gia**

Ấy là Tĩnh Trừ ba Nghiệp Đạo

Chân Ngôn là:

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) A tam mê (2) đát-ly tam mê (3) tam ma duệ (4) sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ ASAME TRISAME SAMAYE _ SVĀHĀ

Vừa kết Mật Ấn này

Hay tĩnh **Như Lai Địa**

Mãn **Địa Ba La Mật**

Thành ba Pháp Giới Đạo

_ Tiếp, kết **Pháp Giới Sinh**

Tiêu biểu của Mật Tuệ

Vì tịnh thân khẩu ý

Chuyển khắp cả thân mình

Chân Ngôn ấy là:

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) đạt ma đà đồ (2) tát-phộc bà phộc cú hàm (3)**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ DHARMA-DHĀTU SVABHĀVAKA-UHAM

Như Tự Tính Pháp Giới

Mà quán nơi thân mình

_ Vì khiến cho kiên cố

Quán ngay **Chấp Kim Cương** (Vajradhāra)

Kết **Ấn Kim Cương Luân** (Cũng gọi là **Ấn Chuyển Php Lun**)

Kim Cương Tát Đồa Chân Ngôn là:

“**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) phộc nhật-la (2) đát-ma cú hàm (3)**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

*) NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ VAJRA ATMAKA-UHAM

Đề Quán thân của Ta

Tức là **Chấp Kim Cương**

_ Tiếp **Hoàn Giáp Kim Cương**

Nên quán nơi y phục

Khắp Thê sinh ánh lửa

Chân Ngôn ấy là:

“**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) Ấn phộc nhật-la ca phộc già (2) hồng**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

*) NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _ OM VAJRA-KAVACA HŪM

_ Chữ **La** (ॠ _ RA) màu trắng tinh

Dùng điểm Không nghiêm súc (ॠ _ RAM)

Như minh châu cột tóc

Đặt ở trên đỉnh đầu

Bao tội cầu gom chứa

Do đây đều trừ diệt

Phước Tuệ đều viên mãn

Tất cả chôn ô uế

Nên thêm Tự Môn này

Màu đỏ đủ uy quang

Ánh lửa vây quanh khắp

_Tiếp vì hàng phục Ma

Chế các loài Đại Chướng

Nên niệm đấng Đại Hộ

Vô Năng Kham Nhẫn Minh

Chân Ngôn là:

“**Năng mạt tát phộc tha nghiệt đế tỳ-dược (1) tát phộc bội dã, vĩ nghiệt đế tệt (2) vĩ thấp-phộc mục khế tệt (3) tát phộc tha (4) hàm khiếm (5) la cật-sái ma ha mạt lê (6) tát phộc đát tha nghiệt đa bô ni-dã niết tả đế (7) hồng hồng (8) đát-la tra đát-la tra (9) a bát-la để ha để (10) sa-phộc hạ**”

ॠमः स त् न एत न त्रुः स त् न य एत न त्रुः अश्व सु त्रुः स त् न क् न्
ॠ क् म न् व न् स त् न एत न् पृथु ज न् क् क् न् न् न् न् न् न् न् न् न् न् न् न् न् न्
स न् न्

*)NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ SARVA BHAYA VIGATEBHYAḤ VIŚVA-MUKHEBHYAḤ SARVATHĀ HAM KHAM RAKṢA MAHĀ-BALE SARVA TATHĀGATA PUṆYA NIRJATE HŪM HŪM TRĀṬ TRĀṬ APRATIHATE SVĀHĀ

Do vừa ghi nhớ, niệm

Các Tỳ Na Dạ Ca

Nhóm La Sát hình ác

Tất cả đều chạy tan

_Cảnh Phát ở Địa Thân

Nên nói Kệ như vậy

(Hai gối quỳ dài, Tay Định (tay trái) cầm chày để ngang trái tim. Tay Tuệ (tay phải) duỗi năm ngón, để ngang lòng bàn tay dè mặt đất)

1_ **Đát-noan** (ngươi, Ngài) **nê vĩ** (hàng Trời, có giọng nữ) **sa khát-xoa** (hộ giúp)**bộ đá tát** (gần gũi, đối với)

2_ **Tát phộc** (tất cả) **một đà năng** (Phật, có nhiều tiếng) **đá dịch nam**

3_ **Tả lý-dã năng dã** (tu hành) **vĩ thế sái số** (thù thắng)

4_ **Bộ mật** (tỉnh địa) **bá la mật đá tốc giả** (đẳng, nhóm)

5_ **Ma la** (Thiên Ma) **tế tiện-diễn đát tha** (như) **bà nghiệt nam** (phá)

6_ **Xá cát-dã** (Thích Ca) **tăng tứ năng** (sư tử) **đá dịch nỗ** (cứu Thế)

7_ **Đát tha hạ** (như Ta) **ma la** (Ma) **nhạ diễn khát-lật đát-phộc** (phục, hàng phục)

8_ **Mãn noa lã lịch** (Mạn đồ la: Đạo Trường) **lạc khư dạ** (tô vẽ) **một-dược hàm** (Ngã, Ta)

“Ngài, Thiên Nữ hộ giúp (**Tvaṃ Devī sākṣi putāsi**)

Thông đạt Đàn Bí Mật
Nhu Pháp vì Đệ Tử
Thieu hết tất cả tội
Thọ mệnh đều đốt hết
Khiến nó chẳng sinh lại
Cùng với tro tàn xong
Thọ mệnh ấy hoàn lại
Vì dùng Chử đốt Chử
Nhân Chử mà liền sinh
Tất cả Thọ cho đến
Thanh tịnh khắp không dơ
Dùng mười hai chi Cú
Mà làm nơi Khí ấy
Tam Muội Gia như vậy
Tất cả các Như Lai
Bồ Tát, đấng Cứu Thế
Vớ Phật, chúng Thanh Văn
Cho đến các Thế Gian
Bình đẳng chẳng trái ngược
Giải **Thệ bình đẳng** này
Mạn Đồ La bí mật
Vào tất cả Pháp Giáo
Các Đàn đều tự tại
Thân Ta ngang đẳng ấy
Bạc Chân Ngôn cũng vậy
Dùng **Bất Tương dị** (chẳng khác nhau) nên
Nói tên **Tam Muội Gia** (Samaya)
Trước mặt quán chữ **La** (𑖫_RA)
Là ánh lửa sáng sạch
Nhu mặt trời sáng sớm
Niệm tiếng, Nghĩa chân thật
Hay trừ tất cả Chướng
Giát thoát dơ ba Độc
Các Pháp cũng như vậy
Trước tự tịnh đất Tâm
Lại tịnh đất Đạo Trường
Đều trừ mọi làm lỗi
Tướng ấy như hư không
Đất này cũng như vậy
Trụ Bản Tôn Du Già
Dùng thêm năm chi Chử
Đẳng Dẫn rồi vận tướng
Liền đồng **Mâu Ni Tôn**

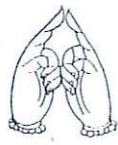
_Chữ A (𑖦) màu vàng ròng
Dùng làm Kim Cương Luân
Gia trì ở thân dưới
Nói tên **Du Già Tọa**

Ở Đại Hội Như Lai
Tiêu Xí Bồ Đề Tràng
Các Trời Rồng, Dạ Xoa
Cung kính mà thọ giáo

Ấn đầu, **Phật Tam Muội**



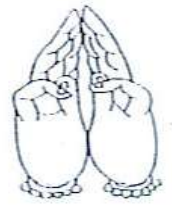
Pháp Giới với **Pháp Luân**



Khế Già (Khadga: Dao Ấn) quy mệnh hợp [Quy Mệnh Hợp Chưởng]
Co Phong (ngón trỏ) Không Luân (ngón cái) gia [ngón cái đè ngón trỏ]



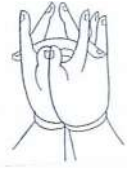
Pháp Loa, Hư Tâm Hợp (chấp tay lại giữa trống rỗng)
Phong (ngón trỏ) cột trên Không Luân (ngón cái)



Cát Tường Nguyên Liên Hoa



Kim Cương Đại Tuệ ấn



Ma Ha, Như Lai Đỉnh



Tuệ Quyển (tay Phải) Hào Tướng Tạng



Du Già , tướng ôm bát



Tay Trí Tuệ (tay phải) dơ lên Tên Vô Úy Thí Giả



Rũ xuống , hiệu Mãn Nguyện



Tuệ Quyển (quyển trái) duỗi Hỏa (ngón giữa) Thủy (ngón vô danh) Bậc Trí thành Phật Nhân



नमः सम्यक् बुद्धेभ्यो गगनं वरुणं लक्ष्मणं कारुण्यं गणतं वक्षु
स्सुद

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ GAGANA VARA LAKṢAṆA
KĀRUṆI-MAYA_ TATHĀGATA-CAKṢU_ SVĀHĀ

.)Nhu Lai Sách Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đà một đà nam (1) Hệ hệ ma hạ bá xa (2) bát-la sa lao
na ly- dã (3) tát đỏa đà đồ (4) vi mô ha ca (5) đát tha nghiệt đa địa mục cật-đế nễ
tá đa, sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धेभ्यो इह मन्त्रपदे च समस्तं सद्गुरुं विसृज्य
गणतं वक्षुं विसृज्य विसृज्य सुद

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HE HE MAHĀ-PĀŚA_
PRASARA UDĀRYA SATVA-DHĀTU VIMOHAKA_ TATHĀGATA
ADHIMUKTI NIRJATA_ SVĀHĀ

.)Nhu Lai Tâm Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mãn đà một đà nam (1) chỉ-nhương nộ (2) ốt-bà phộc (3)
sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धेभ्यो ज्ञानं वक्षुं सुद

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ JÑĀNA UDBHAVA_ SVĀHĀ

.)Nhu Lai Tề Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mãn đà một đà nam (1) A một-lật đồ ốt-bà phộc (2) sa-
phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धेभ्यो अमृतां वक्षुं सुद

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AMṚTA UDBHAVA_ SVĀHĀ

.)Nhu Lai Yêu Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đà một đà nam (1) đát tha nghiệt đa tam bà phộc (2)
sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धेभ्यो गणतं वक्षुं सुद

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ TATHĀGATA SAMBHAVA_ SVĀHĀ

Tạng Ấn Hư Tâm Hợp (Hư Tâm Hợp Chưởng)

Co Phong (ngón trỏ) Thủy (ngón vô danh) vào trong

Hỏa (ngón giữa) hợp Không (ngón cái) cũng vậy

Địa (ngón út) hợp khiến hơi co



Phổ Quang dựa Đại Giới

Co hai Không (2 ngón cái) vào trong

Duỗi Phong (ngón trỏ) như phóng quang

Co Hỏa (ngón giữa) như móc câu



Như Lai Giáp như trước



Thiệt tướng , hai Không vào (có 2 ngón cái vào bên trong)

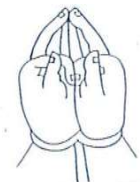


Ngũ Môn, Hư trung hợp

Dời Thủy (ngón vô danh) Phong (ngón trỏ) vào trong



Nha Ấn Phong (ngón trỏ) vào chưởng (Tam Bồ Đa)



Biện Thuyết hai Phong Luân (2 ngón trỏ)

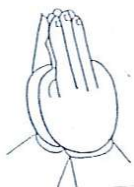
Đặt lóng ba của Hỏa (Đề trên lóng thứ ba của ngón giữa, sao cho đầu ngón đùng dính nhau)



Thập Lực Liên Hoa Hợp (Liên Hoa Hợp Chưởng)

Có Địa (ngón út) Không (ngón cái) vào trong

Trong chưởng cùng hợp lóng



“Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) đát tha nghiệt đa sa ma-lật đế (2) tát đát-phộc hệ đát-phộc tỳ-dữu ốt-nghiệt đa (3) nga nga năng tam mang tam ma (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ अथ नमो भगवते ॥ अथ नमो भगवते ॥ अथ नमो भगवते ॥ अथ नमो भगवते ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ TATHĀGATA-SMṚTI SATVA HĪTA ABHYUDGATA_ GAGANA SAMA ASAMA_ SVĀHĀ

.)Nhất Thiết Như Lai Bình Đẳng Khai Ngộ Chân Ngôn là:

Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) tát phộc đạt ma tam ma đa bát-la bát-đa (2) đát tha nghiệt đa nỗ nghiệt đa (3) sa-phộc hạ

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ अथ नमो भगवते ॥ अथ नमो भगवते ॥ अथ नमो भगवते ॥ अथ नमो भगवते ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SARVA DHARMA SAMANTĀ PRĀPTA_ TATHĀGATA ANUGATA_ SVĀHĀ

.)Phổ Hiền Bồ Tát Như Ý Châu Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) tham ma đa nỗ nghiệt đa vĩ la nhạ đạt ma (2) nễ xả đa (3) ma hạ ma hạ (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ अथ नमो भगवते ॥ अथ नमो भगवते ॥ अथ नमो भगवते ॥ अथ नमो भगवते ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SAMANTA ANUGATA VIRAJA DHARMA NIRJATA_ MAHĀ MAHĀ_ SVĀHĀ

.)Tỳ Thị Bồ Tát trụ Phát Sinh Phổ Biến Đại Từ Tam Muội nói Tỳ Tâm Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) a nhĩ đản nhạ dã (2) tát phộc tát đát-phộc xa dã nỗ nghiệt đa (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ अथ नमो भगवते ॥ अथ नमो भगवते ॥ अथ नमो भगवते ॥ अथ नमो भगवते ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AJITAM JAYA_ SARVA SATVA ŚAYA ANUGATA_ SVĀHĀ

__Thời Đức Phật trụ Cam Lộ Sinh Tam Muội nói Nhất Thiết Tam Thế Vô Ngại Lực Minh Phi Chân Ngôn là (Đỉnh Ấn)

“Đát nễ-dã tha (1) nga nga năng tam mê (2) a bát-la để tam mê (3) tát phộc đát tha nghiệt đa tam ma đá nỗ nghiệt đế (4) nga nga năng tam ma (5) phộc la lạc khất-xoa nãi (6) sa-phộc hạ”

ॐ तद्यथा नमो भगवते ॥ अथ नमो भगवते ॥ अथ नमो भगवते ॥ अथ नमो भगवते ॥ अथ नमो भगवते ॥

*)TADYATHĀ: GAGANA SAME_ APRATI SAME_ SARVA TATHĀGATA ANUGATE_ GAGANA SAMA_ VARA LAKṢAṆĒ_ SVĀHĀ

__Vô Năng Hại Lực Minh Phi Chân Ngôn là (Dùng Phạm Giáp Ấn, 8 biến)

“Năng mặc tát phộc đát tha nghiệt đế tỳ-dược (1) tát phộc mục khế tỳ-dược (2) a tam mê (3) bát la mê (4) a giả lệ (5) nga nga nê sa-ma la nãi (6) tát phộc đát-la nỗ nghiệt đế (7) sa-phộc hạ”

ॐ नमः ॥ अथ नमो भगवते ॥ अथ नमो भगवते ॥ अथ नमो भगवते ॥ अथ नमो भगवते ॥ अथ नमो भगवते ॥

*NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ SARVA MUKHEBHYAḤ
ASAME PARAME ACALE GAGANE SMARANE SARVATRA
ANUGATE SVĀHĀ

_Nghiêm tĩnh quốc độ Phật

Phụng sự các Như Lai

Đế quán biển nước thơm

Đại Hải Chân Ngôn là:

“**Án, vĩ ma lỗ na đạ, hồng**”

ॐ वृमलुनादा ह्रूं

*)OM VIMALA UDADHI HŪM

_Kim Cương Thủ cầm hoa (Nội Trí)

“**Phộc Phộc nhật-la bá nê**” (Đây là Đại Chân Ngôn Vương Ấn)

ॐ वृकुपम

*)VA VAJRA-PĀNE

_Dem Diệu Liên Hoa Vương

Đặt ở **Thai Tạng Giới**

Nhóm Chính Giác tối sơ (khởi đầu)

Đặt bày Mạn Đồ La

Bí mật ở trong mật

Đại Bi Thai Tạng Sinh

Với vô lượng Thế Gian

Mạn Đồ La xuất thế

_Vòng quanh khắp bốn phương

Một cửa với lối đi (thông đạo)

Ấn Kim Cương nghiêm khắp

Giữa: **Yết Ma Kim Cương**

Hoa sen lớn ở trên

Cọng Kim Cương xinh đẹp (diệu sắc)

Tám cánh đủ rây nhụy

Mọi báu tợ trang nghiêm

Hé nở đầy quả trái

Ở **Ấn Đại Liên** ấy

Điểm Đại Không trang nghiêm

Câu **mười hai Chi Sinh**

Khắp cả trong đài hoa

Tường tuôn vô lượng quang (vô lượng ánh sáng)

Trăm ngàn sen vây quanh

_Trên đó lại quán tưởng

Tòa Đại Giác Sư Tử

Dùng Bảo Vương (vật báu đứng hàng đầu) nghiêm sức

Ngay trong cung điện lớn

Bày cột báu thành hàng

Khắp nơi có phương, lọng

Các chuỗi ngọc xen nhau
Rũ treo áo báu đẹp (diệu bảo)
Mây hương hoa vòng khắp
Cùng với mọi mây báu
Tuôn mưa đủ loại hoa
Thơm phức trang nghiêm đất
Tiếng hòa vận êm tai
Dâng hiến các âm nhạc
Trong Cung tướng tĩnh diệu (trong sạch màu nhiệm)
Hiền Bình với Át Già
Cây vua báu (Bảo Thọ Vương) nở hoa
Đèn Ma Ni soi chiếu
Tam Muội, đất Tổng Trì
Thê nữ của Tự Tại
Nhóm Phật Ba La Mật
Hoa Bồ Đề diệu nghiêm
Phương tiện tác mọi kỹ
Ca vịnh âm Diệu Pháp
Cúng dường các Như Lai
Dùng lực Công Đức Ta
Lực Như Lai gia trì
Cùng với lực Pháp Giới
Cúng dường khắp mà trụ

_Tiếp **Hư Không Tạng Chuyển Minh Phi** (Phổ Thông Ân)
Kết Đại Luân Đàn Ân

_Tiếp Chúng Sắc Giới Đạo

La (𑖀 - RA) [màu trắng, chính giữa] **Lãm** (𑖀 - RAM) [màu đỏ, cây phượng]
Ca (𑖀 - KA) [màu vàng, bông hoa] **Ma** (𑖀 - MA) [màu xanh, đầy khắp] **Ha** (𑖀 - HA)
[màu đen, Âm Giới Đạo. Kim Cương Tuệ Ân]

Quán trong **Trung Thai** ấy [Chủng Tử của các Tôn, mỗi mỗi phải an bày rõ ràng. Trước tiên tướng vòng ánh sáng tròn trịa (Viên Quang)]

Vàng trắng trong sáng khắp
Thanh tịnh lìa các dơ
Giữa có hình Bản Tôn
Diệu sắc vượt ba cõi
Áo sa lưa nghiêm thân
Mão báu buông tóc rũ
Tam Ma Địa **Tịch Nhiên**
Lửa sáng hơn ánh điện
Giống như trong gương sạch
Sâu thăm hiện hiện dung
Hiện hình sắc vui, giận
Cầm giữ nhóm **Dữ Nguyện**
Thân tương ứng chính thọ
Tâm sáng tỏ không loạn
Vô Tướng tịnh Pháp Thê

Nên nguyện cứu quần sinh
Dùng tám Mạn Đồ La
Quyên thuộc tự vây quanh

_Tiếp, Đông: **Biển Tri Ân**
Phương Bắc: **Quán Tự Tại**
Nam đê **Kim Cương Thủ**
Y phương Niết Ly Đề (Phương Tây Nam)
Bất Động Như Lai Sứ
Phong phương (phương Tây Bắc) **Thắng Tam Thế**
Bốn phương bốn **Đại Hộ**
Cửa đầu (sơ môn) **Thích Ca Văn**
Thứ ba **Diệu Cát Tường**
Phương Nam **Trừ Cái Chướng**
Thắng phương (phương Bắc) **Địa Tạng Tôn**
Long Phương (phương Tây) Hư Không Tạng
Với quyên thuộc **Tô Tất** (Susidhi :Tô Tất Địa)
Trời **Hộ Thế** uy đức
Theo thứ tự phân bày

_Tiếp nên bung lò hương
Tĩnh Trị Chân Ngôn là:

“**Ân, tô tất địa yết lý, nhập phộc lý đa năng nam đa mô la-đa duệ, nhập-phộc la nhập-phộc la , mãn đà mãn đà, hạ năng hạ năng, hồng, phán tra**”

ॐ सुभ्रह्मक्रीं ह्रस्वनां सुत्रय ह्रस्व ह्रस्व वष वष ह्र ह्र
ॐ ह्र

*)OM_ SUSIDDHI-KARA JVALITA ANANTA MURTTAYE JVALA
JVALA BANDHA BANDHA HANA HANA HŪM PHAT

_ **Bất Động Đại Minh Vương**

Khử dơ khiến trong sạch
Tịch Trừ hiện ánh sáng
Với Hộ Thân, Kết Giới
Chân Ngôn ấy là:

“**Năng mạc tam mạn đa phộc nhật-la noãn (1) chiến noa ma hạ lộ sai ninh (2) sa-phá tra dã (3) hồng, đát-la tra (4) hãn mâu**”

ॐ नमः समं वष न्वं वष मन्त्रयम ह्र ह्र ह्र ह्र

*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM_ CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA
SPHAṬYA HŪM TRAT HĀM MĀM

_Tiếp dùng Ấn Chân Ngôn
Mà thỉnh triệu Chúng Thánh
Chư Phật Bồ Tát nói
Y Bản Thế đi đến
Định Tuệ (2 tay) trong thành quyền (Nội Phộc)
Co Tuệ Phong (ngón trỏ phải) như câu
Tùy triệu đến phó tập



Chân Ngôn là (hoặc 3 Bộ Tâm thính)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) a , tát phộc đát-la bát-la để ha đấ (2) đát tha nghiệt đấng củ xa (3) mạo địa chiết lý-dã, bát lý bố la ca (4) sa-phộc hạ**” [7 biến Sách, Tỏa, Linh trừ chướng bất động]

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AḤ SARVATRA
APRATIHAṬE_ TATHĀGATA-AMKUŚA BODHĪ-CARYA PARIPŪRAKA_
SVĀHĀ

_Tiếp bày **Tam Muội Gia**

Mau mắn Nguyệt Vô Thượng
Khiến Bán Chân Ngôn Chủ
Các Minh vui vẻ nên
Dâng hiến nước Át Già
Nhu Pháp dùng gia trì
Dâng các đấng Thiện Thệ
Dùng tắm thân Vô Cấu
Tiếp nên tịnh tất cả
Miệng Phật, nơi sinh con
Chân Ngôn là

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Nga nga năng tam ma, tam ma, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ GAGANA SAMA ASAMA_
SVĀHĀ

_Tiếp **Phụng Hoa Tọa Chân Ngôn** là (Trừ chướng gia hộ bất động)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. A**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AḤ

Rồi tác lời này:

Chữ **Khur**, điểm Đại Không (ॐ – KHAM)

Đặt ở trên đỉnh đầu

Chuyển thân làm Tát Đỏa

Tâm chúng tử Kim Cương

Bày khắp các chi phần

Các Pháp lia ngôn thuyết

Dùng đủ Ấn Chân Ngôn

Liên đồng **Chấp Kim Cương**

Chân Ngôn ấy là (Ngũ Cổ Ấn, Tam Cổ Ấn)

“**Năng mặc tam mạn đa phộc nhật-la noãn (1) chiến noa ma ha lỗ sái noa (2) hồng**”

- 13_ **Năng nề lộ đà đăm, ca lố noa sa la sa lý kiếm**
- 14_ **Vật-lý nhạ để đát-lại lộ ca, phộc la tất địa, na dĩ ca**
- 15_ **A nhĩ đá nhĩ đá để số tổ sa ma bả để đăm nghiệt tỉnh**
- 16_ **Tổ nghiệt tỉnh nga đa sáp-phộc bĩ, a hộ tổ đạt ma đá**
- 17_ **Sa ma dĩ nghiệt-la tất địa tạt la na đa na độ nhĩ**
- 18_ **Tả la na năng nề nghiệt để phiền ca na sa na sa ca**
- 19_ **La để-lại lộ tạt la tất địa na dĩ ca mật bá**
- 20_ **Sa để-lý đặc-phộc nghiệt để dĩ ca, a năng một-lý đá duệ để**
- 21_ **Sa-đát đa sa- đố phộc tả lý-diễm phộc la ma nghiệt-la phộc**
- 22_ **Dụ sáp-ma đa xả lãm nê-diễm bổ bả đố sa-nhĩ năng tha**
- 23_ **Sa-đá đăn tham ma đát số nghiệt-la ma hạ mật, a hàm**
- 24_ **Niết-lý sái-diễm nhạ nga nại-la noa nghiệt tỉnh sa ma nghiệt-lãm**
- 25_ **Đát đa-sa tất phộc la-tha ca lân sa ma nghiệt-la**
- 26_ **Niết nhĩ noa nhĩ kiếm na xả tổ ná-nhĩ xả tổ**
- 27_ **Bổ noa-dĩ năng nhĩ , tất phộc nề xả tổ một đạm**
- 28_ **Sa mẫn đa ha na-la mật noa đát-ma tiệm thất-giả**
- 29_ **Tất đát-phộc vĩ một đạm, bổ nhạ bát đát-ma nghiệt để**
- 30_ **Quân noan đố tất đát-phộc nga duệ đố duệ tha đạm**
- 31_ **Sa-đá tha nghiệt đá, tán nhạ năng dã địa thuật địa-dã đá**
- 32_ **Am đăn la-phộc tứ đạt ma vĩ kiệt đa duệ thất-giả**
- 33_ **La cú đa la tất phộc vĩ nga-đồ đa duệ thất-giả**
- 34_ **Sa một-lý địa-dã đăm, tất đát-phộc tứ đá dã duệ noan**
- 35_ **Tất phộc bát sa mẫn đa ca lân sa ma**
- 36_ **Nghiệt-la nga nghiệm nhạ nga đát-ma cụ bà kiếm**
- 37_ **Phộc nề đố ô năng ma tất phộc đát tha nghiệt để**
- 38_ **Sa đa phộc**

Nếu tri **Tán Vương** này
 Ưa thích sẽ thành tựu

_Lại nữa **Bí Mật Chủ!**
Như Lai Mạn Đà La
 Giống như trăng tròn sạch
 Trong hiện màu Thương Khư (màu trắng óng ánh)
 Tất cả Phật, tam giác
 Ở ngay hoa sen trắng
 Diễm Không làm Tiêu Xí
 Ấn Kim Cương vây quanh
 Từ Chân Ngôn Chủ ấy
 Vòng khắp ở quang minh
 Phật ngồi dưới gốc cây
 Trì **Hàng Tứ Ma** này
 Hiệu là **Biến Tri Ấn**
 Hay đủ nhiều Công Đức
 Sinh mọi **Tam Muội Vương**

_Tiếp ở góc Bắc ấy
Đạo Sư chư Phật Mẫu

**Phương Bắc, Quán Tụ Tại
Bí Mật Mạn Đà La**

Giữa (chính giữa) Cát Tường Thương Khư
Sinh ra hoa Bát Đàm
Hé nở đầy quả trái
Nương nhờ **Ấn Đại Liên**
Hào quang như trăng trong
Thương Khư, Quân Na Hoa (Loài hoa có màu trắng tươi)
Mím cười ngời sen trắng
Tóc hiện **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)
Trụ **Phổ Quán Tam Muội**

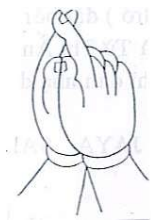
Quyển thuộc Liên Hoa Bộ
Cực Tây, thứ nhất bày
Mã Đầu Quán Tụ Tại
Nhóm **Đại Minh Bạch Thân**
Đa La Tôn Bồ Tát
Quán Tụ Tại Bồ Tát
Tỳ Câu Chi Bồ Tát
Đại Thế Chí Bồ Tát
Liên Hoa Bộ Phát Sinh

Thứ hai: **Tịch Lưu Minh**
Với **Đại Cát Tường Minh**
Đại Cát Tường Đại Minh
Như Ý Luân Bồ Tát
Gia Du Đà La Phi
Tốt Đồ Ba Cát Tường
Đại Tùy Cầu Bồ Tát
Bạch Xứ Tôn Bồ Tát
Đại Cát Biến Bồ Tát
Thủy Cát Tường Bồ Tát
Bất Không Quyển Sách Vương
Nhóm **Phong Tài Bồ Tát**
Bạch Thân Quán Tụ Tại
Bị Diệp Y Bồ Tát

Bên phải **Đại Danh Xưng**
Thánh Giả Đa La Tôn
Màu xanh trắng pha tạp
Dạng người nữ trung niên
Chấp tay cầm sen xanh
Hào quang tròn chẵn đôi
Phát sáng như vàng sạch
Mím cười, áo trắng tinh
Nội Phộc dụng Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ)



Bên trái, **Tỳ Câu Chi**
Rũ tay cầm tràng hạt
Ba mắt giữ búi tóc
Tôn hình màu trắng tinh
Màu hào quang không chủ
Trắng vàng đỏ hòa nhập
Ấn trước, giao Phong Luân (ngón trỏ)



Tiếp gân **Tỳ Câu Chi**
Vẽ Đắc Đại Thế Tôn
Quần áo màu Thương Khư
Tay Hoa sen Đại Bi
Tốt tươi chưa hé nở
Hào quang tròn vây quanh
Minh Phi trụ bên cạnh
Hiệu **Trì Danh Xưng Giả**
Tất cả diệu anh lạc
Trang nghiêm thân màu vàng
Cầm cành hoa tươi đẹp
Tả (tay trái) cầm Bát Dận Ngô (loài hoa ở phương Tây có màu vàng nhạt)
Mặt Ấn như Minh Vương
Nâng lên co Phong Luân (ngón trỏ)

Gân Thánh Giả Đa La
Trú ở **Bạch Xứ Tôn**
Mão tóc đều trắng đẹp
Tay hoa **Bát Đầu Ma** (Padma: hoa sen hồng)
Định Tuệ (2 tay) Hư Tâm Hợp (chấp tay lại giữa trống rỗng)
Không (ngón cái) Thủy (ngón vô danh) vào trong Nguyệt (lòng bàn tay)



Trước mặt Thánh Giả vẽ

Mặt hiền từ mỉm cười
Ngồi trên hoa sen trắng
Điều tướng, hào quang tròn
Ánh sáng trợ chung quanh
Mà trụ **Phật Gia Trì**
Thần Lực Tam Muội Vương
Vớ vô lượng quyền thuộc

Quán Tự Tại, Phổ Hiền
Đôi điện Hộ đối Hộ
Nhạ Gia, Vĩ Nhạ Gia
Đồng Mẫu Đô, Nễ Đa
A Ba La Nhĩ Đa

Bắc (phía Bắc) **Quang Vãng Bồ Tát**
Tiếp **Bảo Quan Bồ Tát**
Vô Cấu Quang Bồ Tát
Nguyệt Quang Minh Bồ Tát
Nhóm **Ngũ Kế Văn Thù**
Ô Ba Kế Thất Nễ
Phụng Giáo, các Bồ Tát
Văn Thù Sư Lợi Tôn
Mạn Thù Lê Bồ Tát
Hai Sứ Giả Văn Thù
Câu Triệu bốn **Phụng Giáo**
Và **Câu Triệu Bồ Tát**

Hữu (bên phải) **Quang Vãng Bồ Tát**
Cầm giữ mọi lưới báu



Bảo Quan cầm Ấn báu

Tả Liên (hoa sen bên trái) **Vô Cấu Quang**
Hoa sen xanh chưa nở
Duỗi An trước hơi co



Ô Ba Kế Thiết Nễ

Quyền trước, Hỏa Luân (ngón giữa) đâm



Địa Tuệ giữ Tràng Ân

Định Quyền (quyền trái) dựng Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh)



Chất Đa La Đồng Tử

Hữu Quyền (quyền Phải) Phong Luân (ngón trỏ) Trượng (dựng như cây gậy)

Triệu Thỉnh Phong (ngón trỏ) làm câu (móc câu)



Tiếp năm loại **Phụng Giáo**

Bất Tư Nghị Đồng Tử

Định Tuệ (2 tay) Nội Phộc Quyền

Dựng Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ) hợp nhau

Phong (ngón trỏ) co lỏng thứ ba



Như vậy năm **Sứ Giả**

Năm loại **Phụng Giáo Giả**

Hai **Chúng** cùng vây quanh

Thị vệ **Vô Thắng Trí** (Văn Thù Bồ Tát)

[Văn Thù Tam Bồ Tra Chương, Hai Hỏa (2 ngón giữa) đè ngược lưng hai Thủy (2 ngón vô danh) Hai Phong (2 ngón trỏ) vịn Không Luân (ngón cái)]

नमोऽस्मिन् वृक्षेऽस्मिन् (द्वेऽस्मिन्) वृक्षेऽस्मिन् वृक्षेऽस्मिन्

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HILI_ HE SMARA JÑĀNA-KETU_ SVĀHĀ

.)Chát Đa-la Đông Tử Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Nhĩ lý, chát đa-la (2) sa-phộc hạ”

नमोऽस्मिन् वृक्षेऽस्मिन् (द्वेऽस्मिन्) वृक्षेऽस्मिन्

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ MILI_ CITRĀ_ SVĀHĀ

.)Triệu Thỉnh Đông Tử Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) a ca la-sái dã (2) tát noan củ lỗ a nhiên (3) củ mang la tả (4) sa-phộc hạ”

नमोऽस्मिन् वृक्षेऽस्मिन् वृक्षेऽस्मिन् वृक्षेऽस्मिन् वृक्षेऽस्मिन् वृक्षेऽस्मिन्

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AKARṢAYA SARVA KURU AJÑĀM KUMĀRASYA_ SVĀHĀ

.)Bát Tư Nghị Đông Tử Chân Ngôn là:

“Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) a vĩ sa-ma dã ninh duệ (2) sa-phộc hạ”

नमोऽस्मिन् वृक्षेऽस्मिन् वृक्षेऽस्मिन् वृक्षेऽस्मिन्

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AḤ VISMAYA NĪYE_ SVĀHĀ

_Hành Giả ở Tả Phương (phương bên trái)

Tiếp tác **Đại Danh Xưng**

Trừ Nhất Thiết Cái Chương

Chủng Tử đại tinh tiến

Là **Chân Đà Ma Ni**

Trụ ở trong Hòa Luân

Chúng đoan nghiêm theo hầu

Nên biết quyền thuộc ấy

Bi Mẫn Tuệ Bồ Tát

Phá Ác Thú Bồ Tát

Thí Vô Úy Bồ Tát

Nhóm **Hiền Hộ Bồ Tát**

Bát Tư Nghị Bồ Tát

Từ Phát Sinh Bồ Tát

Và **Chiết Chư Nhiệt Nảo**

Tiêu Chí của Bí Mật

Thứ tự nên an bày

Danh Xưng **Trừ Chương Tôn**

Trụ **Bi Lực Tam Muội**

Trí Phước (2 tay) Hư tâm hợp (Hư Tâm Hợp Chương)

Co Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) vào Nguyệt (lòng bàn tay)



Tôn hữu (Tôn bên phải) **Trừ Nghi Quái**
Nội Phộc, dụng Hỏa (ngón giữa) Không (ngón cái)
Bình bầu để Nhất Cổ



Thí Vô Úy Bồ Tát
Tác tay Thí Vô Úy



Trừ Nhất Thiết Ác Thú
Duỗi Định Tuệ (2 tay) chắp lại

Cứu Hộ Tuệ Bồ Tát
Bi Thủ (tay trái) chưởng (lòng bàn tay) tại tim
Dụng Không (ngón cái) hướng lên trên



Đại Từ Sinh Bồ Tát
Tuệ Phong Không (ngón trỏ phải và ngón cái phải) cầm hoa



Bi Tuyên Nhuận bên phải
Bi (tay trái) vịn trên tim
Rũ co Hòa Luân (ngón giữa) chỉ



